

BÁO CÁO
Công tác cải cách hành chính Quý I
và phương hướng nhiệm vụ trọng tâm Quý II năm 2024

Thực hiện Chương trình, Kế hoạch cải cách hành chính năm 2024, UBND xã báo cáo tình hình thực hiện công tác cải cách hành chính Quý I và phương hướng nhiệm vụ trọng tâm Quý II năm 2024 cụ thể như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Về kế hoạch cải cách hành chính

Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình cải cách hành chính, Ủy ban nhân dân xã đã ban hành Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 03/01/2024 của UBND xã về Phê duyệt Kế hoạch CCHC gắn với chính quyền số, dịch vụ đô thị thông minh năm 2024. Đã xác định các nội dung CCHC cần tập trung chỉ đạo thực hiện với các nhiệm vụ cụ thể và phân công trách nhiệm cụ thể đối với cán bộ công chức chuyên môn và UBND xã.

2. Về tổ chức chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính

Thực hiện tốt Chỉ thị số 02/CT-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2023 về việc Tiếp tục đẩy mạnh công tác Cải cách hành chính gắn liền với xây dựng chính quyền điện tử, chuyên đổi số và đô thị thông minh.

UBND xã đã ban hành các văn bản: Quyết định số 190/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2023 Về việc Ban hành mục tiêu chất lượng và Kế hoạch thực hiện mục tiêu chất lượng áp dụng tại cơ quan hành chính nhà nước xã Phú Hồ năm 2024; Kế hoạch số 05/KH-UBND ngày 05/01/2024 về tuyên truyền cải cách hành chính trên địa bàn xã Phú Hồ năm 2024; Kế hoạch số 08 /KH-UBND ngày 05/01/2024 về phổ biến giáo dục pháp luật năm 2024; Kế hoạch số 01/KH-UBND ngày 03 tháng 01 năm 2024 về theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn xã Phú Hồ năm 2024; Kế hoạch số 15/KH-UBND ngày 15/01/2024 về kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật năm 2024.

Tập trung chỉ đạo các ban, ngành chuyên môn triển khai thực hiện thắng lợi mục tiêu: “Xây dựng hệ thống tổ chức bộ máy của các cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương trong sạch, vững mạnh, chuyên nghiệp, hiện đại, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả; đội ngũ cán bộ, công chức có đủ phẩm chất năng lực và trình độ đáp ứng yêu cầu phục vụ nhân dân và sự phát triển của xã”.

3. Về kiểm tra công tác Cải cách hành chính

Ban hành Kế hoạch số 18/KH-UBND ngày 06 tháng 01 năm 2024 về Kiểm tra công tác Cải cách hành chính năm 2024 trên địa bàn xã Phú Hồ.

4. Về công tác tuyên truyền cải cách hành chính

Ban hành Kế hoạch số 05/KH-UBND ngày 05/01/2024 về tuyên truyền cải cách hành chính trên địa bàn xã Phú Hồ năm 2024. Chỉ đạo Công chức Văn hóa thông tin viết tin bài, tăng cường thời lượng phát thanh trên đài phát thanh xã nhằm tuyên truyền về công tác cải cách hành chính đến đội ngũ cán bộ, các tổ chức và nhân dân biết đề nâng cao hiệu quả trong giao dịch và giải quyết công việc.

Xây dựng chuyên mục CCHC trên trang thông tin điện tử của UBND xã nhằm cung cấp đầy đủ thông tin, quy định hiện hành và các văn bản chỉ đạo điều hành về công tác CCHC đặc biệt là triển khai thực hiện giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông.

Thông qua công tác tuyên truyền về CCHC để phổ biến, quán triệt sâu rộng đến cán bộ, công chức và nhân dân nhằm nâng cao nhận thức, hiểu biết về quan điểm, mục tiêu, nội dung, sự cần thiết phải thực hiện cải cách hành chính và phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp đẩy mạnh cải cách hành chính.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Cải cách thể chế

Thực hiện Luật Ban hành văn bản Quy phạm pháp luật, UBND xã đã ban hành Ban hành Kế hoạch số 08/KH-UBND ngày 05/01/2024 về tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật năm 2024; Kế hoạch số 01/KH-UBND ngày 03 tháng 01 năm 2024 theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn xã Phú Hồ năm 2024; Kế hoạch số 15/KH-UBND ngày 15/01/2024 về kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật năm 2024.

Triển khai thực hiện đổi mới và quy định chặt chẽ, cụ thể quy trình xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật, đề cao trách nhiệm của từng ban, ngành trong quá trình xây dựng thể chế. Nâng cao chất lượng xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật, đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, tính đồng bộ và mang tính khả thi cao.

2. Về cải cách thủ tục hành chính

a) Thực hiện công tác rà soát, đánh giá, cập nhật TTHC

Ủy ban nhân dân xã Quyết định số 20/QĐ-UBND, ngày 16/01/2024 về việc ban hành Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính năm 2024.

Chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện, thông tin kịp thời tới người dân và cộng đồng doanh nghiệp cơ chế tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về các quy định hành chính. Niêm yết công khai địa chỉ cơ quan tiếp nhận phản ánh kiến nghị, số điện thoại, email tại đơn vị và trên trang thông tin điện tử của xã.

Xử lý việc tiếp nhận các phản ánh kiến nghị của các tổ chức, công dân về quy định hành chính để đánh giá, rà soát đề xuất sửa đổi bổ sung TTHC phù hợp với địa phương.

b) Công khai TTHC

UBND xã đã kịp thời niêm yết công khai các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết cấp xã theo quyết định của UBND tỉnh, công khai niêm yết thủ tục hành chính tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại của xã và niêm yết trên cổng thông tin điện tử của xã.

c) Tình hình thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông

Trong quý I, năm 2023 (từ ngày 15/12/2023 đến ngày 06/3/2023):

- Các công chức bộ phận tiếp nhận, trả kết quả tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả đã tiếp nhận và chuyển các cơ quan chuyên môn giải quyết 392 hồ sơ.

Trong đó:

Chứng thực: 258 hồ sơ, Hộ tịch: 82 hồ sơ, bảo trợ xã hội: 12 hồ sơ; TTHC liên thông người có công (cấp huyện): 06 hồ sơ; đất đai: 34 hồ sơ.

3. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức

Hiện nay số lượng cán bộ công chức đủ theo Nghị định 33/2023/NĐ-CP về ngày 10 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt

động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn và tổ dân phố. Hiện nay số lượng cán bộ công chức là vừa đủ theo quy định xã loại 2 là 20 người.

4. Cải cách tài chính công

Thực hiện Nghị định 16/2015/NĐ-CP, ngày 14 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập; Thực hiện cơ chế khoán theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, ngày 17 tháng 10 năm 2005 của Chính phủ về việc quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan Nhà nước và Nghị định 117/2013/NĐ-CP, ngày 07/10/2013 về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước. Qua thực hiện khoán chi ngân sách đã nâng cao chất lượng hoạt động, khai thác tốt năng lực phục vụ chuyên môn của cán bộ, công chức. Phát huy tính tích cực, dân chủ trong cơ quan về việc thực hiện cuộc vận động thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Tiếp tục thực hiện nghiêm túc cơ chế tự chủ, luôn đề cao tinh thần tiết kiệm, sử dụng ngân sách có hiệu quả, đúng mục đích theo tinh thần của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP và Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ. Đã thực hiện công bố công khai dự toán thu, chi ngân sách hàng năm của huyện theo đúng quy định của Luật ngân sách.

5. Hiện đại hóa hành chính

a) Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước

Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước được quan tâm, cụ thể:

1. Phần mềm hồ sơ công việc: (Tính từ ngày 15/12/2023 - 06/3/2024)

Tổng số văn bản đến: 582 văn bản

Tổng số văn bản đến được cập nhập, đưa vào phần mềm: 582 văn bản

Tổng số văn bản phát hành của cơ quan trong quý 1: 179 văn bản

Tổng số văn bản phát hành được truyền qua mạng: 179 văn bản

Ký số Văn bản đi trên môi trường mạng: 100%

b) Tình hình áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 trong hoạt động của cơ quan đơn vị:

- Ban hành Quyết định số 189/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2023 Về việc Công bố lại HTQLCL phù hợp với Tiêu chuẩn Quốc gia ISO 9001:2015. Quyết định số 190/QĐ-UBND ngày 26/12/2023 về ban hành mục tiêu chất lượng và Kế hoạch thực hiện mục tiêu chất lượng áp dụng tại cơ quan hành chính nhà nước xã Phú Hồ năm 2024;

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được

Công tác CCHC đã được sự quan tâm, chỉ đạo kịp thời của các ngành, các cấp; tổ chức bộ máy cơ quan được củng cố, kiện toàn; đội ngũ cán bộ, công chức dần dần được chuẩn hóa, trình độ chuyên môn, năng lực trong thi hành nhiệm vụ được nâng cao; việc quản lý, sử dụng ngân sách, tài sản công đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả và tiết kiệm; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động quản lý hành chính; công tác kiểm tra CCHC cũng được tăng cường; tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức và công dân trong giao dịch TTHC.

2. Tồn tại, hạn chế

- Hồ sơ trễ hạn vẫn còn xảy ra do lĩnh vực Địa chính – Xây dựng nhất là thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

3. Giải pháp khắc phục:

- Tiếp tục chỉ đạo các cán bộ, công chức thường xuyên rà soát các TTHC để kịp thời đề xuất, kiến nghị để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế tại cơ quan; cử cán bộ, công chức tham gia lớp bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ, nhất là cán bộ, công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại các.

- Tăng cường chỉ đạo công tác ứng dụng công nghệ thông tin nhất là các phần mềm dùng chung trong việc xử lý các công việc được giao trên môi trường mạng.

- Sắp xếp khoa học thời gian để giải quyết thủ tục hành chính, tránh để trễ hạn hồ sơ trên phần mềm.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ QUÝ II NĂM 2024

UBND xã đề ra một số phương hướng, nhiệm vụ trong quý II năm 2024 như sau:

1. Về cải cách thể chế

Chỉ đạo và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật; thực hiện tốt công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật của xã.

2. Về cải cách thủ tục hành chính

Tiếp tục triển khai thực hiện về kiểm soát thủ tục hành chính; đẩy mạnh việc thực hiện cải cách thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa; nâng cao hiệu quả hoạt động của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại cấp xã.

Công khai, minh bạch thủ tục hành chính và quy trình tiếp nhận tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, trên Trang thông tin điện tử của xã nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức và cá nhân trong việc cập nhật, tra cứu thông tin, giám sát việc thực hiện các thủ tục hành chính.

Tăng cường công tác kiểm tra CCHC, nhất là kiểm tra việc thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính nhà nước, chấn chỉnh lề lối làm việc theo Chỉ thị số 02/CT-UBND ngày 26/12/2023 của UBND xã về việc đẩy mạnh công tác cải cách hành chính gắn liền với xây dựng chính quyền điện tử, chuyển đổi số và đô thị thông minh”.

3. Về cải cách tổ chức bộ máy

Tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của tổ chức bộ máy, rà soát chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan theo Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 04/5/2014 của Chính phủ, và các văn bản hướng dẫn các đơn vị sự nghiệp để sửa đổi, bổ sung đảm bảo hoạt động có hiệu lực, hiệu quả.

4. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức.

Tiếp tục rà soát nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng về kiến thức quản lý nhà nước, chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng hành chính ...

5. Về cải cách tài chính công

Tiếp tục thực hiện hiệu quả cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các cơ quan hành chính, các đơn vị sự nghiệp theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 và Nghị định số 16/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập.

6. Về hiện đại hóa hành chính

Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động quản lý, điều hành, tăng cường thực hiện trao đổi văn bản, tài liệu trên môi trường mạng thay cho văn bản giấy trong chỉ đạo, điều hành của cơ quan hành chính các cấp; sử dụng hệ thống thư điện tử công vụ để trao đổi công việc; Ứng dụng ký số điện tử khi phát hành văn bản trên môi trường mạng; xây dựng, nâng cấp về cơ sở vật chất, trang bị phương tiện làm việc đối với các công chức phục vụ một cửa hiện đại.

Triển khai áp dụng, duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 tại xã.

V. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Chủ tịch UBND xã chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính trong phạm vi quản lý của mình.

2. Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền về cải cách hành chính nhằm nâng cao vai trò, vị trí của cơ quan hành chính nhà nước và nâng cao nhận thức trách nhiệm của cán bộ, công chức trong thực thi công vụ.

3. Thường xuyên thực hiện chế độ kiểm tra, giám sát công vụ để chấn chỉnh kỷ cương, kỷ luật hành chính của cán bộ, công chức; xử lý nghiêm các vi phạm của cán bộ, công chức.

VI. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT:

Tổ chức các lớp tập huấn cho cán bộ chuyên trách về công tác cải cách hành chính của xã nhằm nâng cao chuyên môn nghiệp vụ để công tác cải cách hành chính ngày càng có hiệu quả hơn.

Trên đây là Báo cáo kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính quý I và phương hướng nhiệm vụ quý II năm 2024, UBND xã Phú Hồ tổng hợp báo cáo UBND huyện biết để theo dõi và chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- UBND huyện (b/c);
- Phòng Nội vụ (b/c);
- CT, PCT UBND xã;
- Các công chức chuyên môn UBND xã;
- Lưu: VP.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đinh Viết Huế

Phụ lục 2

**BIỂU MẪU THÔNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO
CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**

(Kèm theo Báo cáo số 15/BC-UBND, ngày 07/3/2024 của UBND xã)

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
	<i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành <i>(Kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt)</i>	Văn bản	6	
2.	Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm <i>(Lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i>	%	75	
2.1	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	33	
2.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	25	
3.	Kiểm tra CCHC			
3.1	Số đơn vị, bộ phận đã kiểm tra	Đơn vị	0	
3.2	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%	0	
3.2.1	<i>Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra</i>	Vấn đề	0	
3.2.2	<i>Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong</i>	Vấn đề	0	
4	Thực hiện nhiệm vụ UBND huyện giao			
4.1	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	4	
4.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	4	
4.3	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	0	
4.4	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ	0	
5	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức	Có = 1; Không = 0		
5.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng	Chưa TH	
5.2.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2	0	

6	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1	0
---	-----------------------------------------------------------------------------	---------------------	---

Phụ lục 3

BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH THỂ CHẾ*(Kèm theo Báo cáo số 15/BC-UBND, ngày 07/3/2024 của UBND xã)*

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Tổng số VBQPPL do địa phương ban hành	Văn bản		
1.1.	Số VBQPPL đã ban hành	Văn bản	0	
2.	Kiểm tra, xử lý VBQPPL			
2.1.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền	Văn bản	0	
2.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%	0	
2.2.1.	<i>Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra</i>	<i>Văn bản</i>	0	
2.2.2.	<i>Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong</i>	<i>Văn bản</i>	0	
3.	Rà soát VBQPPL			
3.1.	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền	Văn bản	0	
3.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%	0	
3.2.1.	<i>Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát</i>	<i>Văn bản</i>	0	
3.2.2.	<i>Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong</i>	<i>Văn bản</i>	0	

Phụ lục 4

**BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU
BÁO CÁO CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH***(Kèm theo Báo cáo số 15/BC-UBND, ngày 07/3/2024 của UBND xã)*

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	

1.	Thống kê TTHC			
1.1.	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	<i>Thủ tục</i>	0	
1.2.	Số TTHC công bố mới	<i>Thủ tục</i>	0	
1.3.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	<i>Thủ tục</i>	0	
1.4.	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại địa phương	<i>Thủ tục</i>	129	
1.4.1.	<i>Số TTHC cấp tỉnh (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)</i>	<i>Thủ tục</i>		
1.4.2.	<i>Số TTHC cấp huyện (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)</i>	<i>Thủ tục</i>		
1.4.3.	<i>Số TTHC cấp xã (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)</i>	<i>Thủ tục</i>	129	
2.	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
2.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	<i>Thủ tục</i>		
2.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	<i>Thủ tục</i>	92	
2.3.	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính.	<i>Thủ tục</i>	129	
3.	Kết quả giải quyết TTHC			
3.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%		
3.1.1.	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong</i>	<i>Hồ sơ</i>		
3.1.2.	<i>Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn</i>	<i>Hồ sơ</i>		
3.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%		
3.2.1.	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong</i>	<i>Hồ sơ</i>		
3.2.2.	<i>Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn</i>	<i>Hồ sơ</i>		
3.3.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	97,35	
3.3.1.	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong</i>	<i>Hồ sơ</i>	768	
3.3.2.	<i>Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn</i>	<i>Hồ sơ</i>	634	

3.4.	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%	0	
3.4.1.	Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)	PAKN	0	
3.4.2.	Số PAKN đã giải quyết xong	PAKN	0	

Phụ lục 7

BIỂU MẪU THÔNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG

(Kèm theo Báo cáo số 15/BC-UBND, ngày 07/3/2024 của UBND xã)

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công	%		
1.1.	Kế hoạch được giao	Triệu đồng		
1.2.	Đã thực hiện	Triệu đồng		
2.	Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) tại địa phương (lũy kế đến thời điểm báo cáo)			
2.1.	Tổng số ĐVSN công lập tại địa phương	Đơn vị		
2.2.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị		
2.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị		
2.4.	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị		
2.4.1.	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên	Đơn vị		
2.4.2.	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên	Đơn vị		
2.4.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên	Đơn vị		
2.5.	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị		
2.6.	Số lượng ĐVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị		

Phụ lục 8

BIỂU MẪU THÔNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ

(Kèm theo Báo cáo số 15/BC-UBND, ngày 07/3/2024 của UBND xã)

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản mới nhất	Chưa = 0 Hoàn thành = 1	0	
2.	Xây dựng và vận hành Hệ thống hợp trực tuyến <i>Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND các huyện.</i> <i>Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND cấp huyện, cấp xã.</i>	Chưa có = 0 2 cấp = 1 3 cấp = 2	2	
3.	Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	%	100	
4.	Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP).	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2	0	
5.	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
5.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã			
5.1.1.	<i>Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh</i>	%		
5.1.2.	<i>Tỷ lệ UBND cấp huyện đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh</i>	%		
5.1.3.	<i>Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện.</i>	%	100	
5.2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của địa phương (<i>Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử</i>).	%	90	
5.2.1	<i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của các sở, ban, ngành cấp tỉnh</i>	%	100	
5.2.2	<i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp huyện</i>	%	100	
5.2.3	<i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã</i>	%	75	
5.3.	Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh			

5.3.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối liên thông với Hệ thống	%		
5.3.2.	Tỷ lệ đơn vị cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống	%		
5.3.3.	Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
6.	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến			
6.1.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 3	%	75	
6.1.1.	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 3	Thủ tục	.	
6.1.2.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3	Thủ tục	344	
6.1.3.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục	0	
6.2.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 4	%	75	
6.2.1.	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục	.	
6.2.2.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục	1	
6.2.3.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục	0	
6.3.	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	%	88.01	
6.3.1.	Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 của địa phương	Thủ tục	345	
6.3.2.	Số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục	345	
6.4.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến mức độ 3 và 4 (Chỉ thống kê đối với các TTHC mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ)	%	0	
6.4.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (cả trực tiếp và trực tuyến)	Hồ sơ	392	
6.4.2.	Số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trực tuyến	Hồ sơ	345	
6.5.	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	%	0	
6.5.1.	Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí, ...)	Thủ tục	0	
6.5.2.	Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh.	Thủ tục	0	